



## 1. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- V00-10, V00-13, V01-06;
- Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/9/2014 về việc ban hành quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt việt nam (VietGAP)
- Quyết định số 1617/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/7/2011 về việc ban hành hướng dẫn áp dụng VietGAP đối với nuôi thương phẩm cá tra (*P. hypophthalmus*), tôm sú (*P. monodon*) và tôm chân trắng (*P. vannamei*)
- Sổ tay hướng dẫn thực hành nuôi tốt (GAP) tôm sú thâm canh ở Việt Nam. NAFIQAVED, NACA, SUMA, 2001.
- Hướng dẫn thực hành quản lý tốt (BMP) trong trại sản xuất tôm sú giống (*Penaeus monodon*) ở Việt Nam. SUMA/FSPS/NACA, 2005.
- Sổ tay thực hành nuôi tốt cho nuôi tôm bán thâm canh ở Việt Nam. SUMA/FSPS/NACA, 2005.
- Nuôi thâm canh tôm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo mô hình GAqP. Bùi Quang Tề, 2009.
- Quy tắc thực hành quản lý tốt hơn (BMP) cho nuôi cá tra ở Đồng bằng sông Cửu long. Phiên bản 3, Đại học Cần Thơ/RIA2/NACA/Victoria Department of Primary Industries, 2011.
- HACCP Guide for the Aquaculture Industries, Northeastern Regional Aquaculture Center, in NRAC Publication No. 00-005.
- GlobalGAP: Part I – General Regulations; Part II – Rule for Option 2 and Option 1 multiple sites with QMS; Part III – Certification body and accreditation rules. Version 4.0, Edition 4.0-1\_FEB2012

## 2. MỤC ĐÍCH & PHẠM VI

- Đưa ra các yêu cầu, thủ tục liên quan tới: Nguồn lực con người trong các hoạt động liên quan tới xem xét hợp đồng, đánh giá;
- Đánh giá Hệ thống thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VIETGAP cho các sản phẩm THỦY SẢN
- Quy trình này chỉ đưa ra những điểm khác biệt, mang tính đặc trưng cơ bản của việc đánh giá phù hợp tiêu chuẩn VietGAP. Các yêu cầu khác liên quan đến đánh giá tuân thủ theo quy trình V00-10: Quy trình đánh giá chứng nhận HTQL và Quy trình V00-13: Quy trình đánh giá chứng nhận sản phẩm.

## 3. VIẾT TẮT VÀ ĐỊNH NGHĨA

- **VietGAP:** Vietnamese Good Agricultural Practices: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam

## 4. NỘI DUNG

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
----------	-------------------------------	--------------------------

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
<p><b>4.1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ</b></p> <p>Thủ tục như V00-10, lưu ý riêng với Quy trình đánh giá VietGAP:</p> <p><b>a) Đăng ký chứng nhận VietGAP</b> theo F00-17-01. <i>Hình thức gửi đăng ký có thể bao gồm: Gửi bản chính qua đường bưu điện hoặc bản fax (Giấy đăng ký phải có chữ ký xác nhận của người đại diện của khách hàng); hoặc gửi Giấy đăng ký qua email (đính kèm bản word, không cần ký xác nhận).</i></p> <p><b>b) Thời lượng đánh giá tối thiểu</b>, được tính tùy theo từng cách thức đánh giá như sau:</p> <p><b>- Cách thức 1: được thực hiện đối với các cơ sở nuôi/trồng thủy sản chỉ áp dụng VietGAP và không áp dụng hệ thống quản lý chất lượng QMS (không áp dụng ISO 9001; hoặc ISO 22000,...);</b></p> <p>+ Thời lượng đánh giá tối thiểu khi đánh giá chứng nhận tại mỗi địa điểm (trang trại) được quy định tại phụ lục 1. Thời lượng đánh giá tối thiểu khi đánh giá giám sát bằng 1/3 đánh giá chứng nhận. Thời lượng đánh giá tối thiểu khi đánh giá lại bằng 2/3 thời lượng đánh giá chứng nhận.</p> <p>Đánh giá thành viên đại diện nhóm:</p> <p>+ Đối với đánh giá lần đầu: Số lượng thành viên đại diện nhóm được đánh giá tối thiểu bằng căn bậc 2 của tổng số thành viên trong nhóm</p> <p>+ Đối với đánh giá giám sát: tối thiểu = 1/2 của căn bậc 2 của tổng số thành viên trong nhóm</p> <p>+ Đối với đánh giá chứng nhận lại: tối thiểu = 2/3 của căn bậc 2 của tổng số thành viên trong nhóm</p> <p><b>- Cách thức 2: được thực hiện đối với các cơ sở nuôi/trồng thủy sản áp dụng VietGAP và có áp dụng thêm cả hệ thống quản lý chất lượng QMS (áp dụng ISO 9001; hoặc ISO 22000,...);</b></p> <p>+ Thời lượng đánh giá tối thiểu khi đánh giá chứng nhận tại mỗi địa điểm (vùng nuôi/trồng thủy sản/trang trại) được tính theo Quy trình đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (xem V00-10).</p> <p>+ Thời lượng đánh giá tối thiểu khi đánh giá giám sát bằng 1/3 đánh giá chứng nhận. Thời lượng đánh giá tối thiểu khi đánh giá lại bằng 2/3 thời lượng đánh giá chứng nhận.</p> <p>+ Đối với cơ sở có nhiều địa điểm áp dụng chung một hệ thống quản lý chất lượng (QMS) thì khi đánh giá chứng nhận số site phải lấy ngẫu nhiên m cơ sở. (m ≥ căn bậc 2 của số cơ sở cùng áp dụng QMS, m làm tròn lên và bao gồm trụ sở chính). Đánh giá giám sát, số site ≥ 1/2 m; Đánh giá lại, số site ≥ 2/3 m.</p>		Nhân viên phòng chứng nhận
<p><b>4.2. ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN</b></p>		
<p><b>3.2.1. Giai đoạn I - Đánh giá sơ bộ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Như 4.2.1 của V00-10, đánh giá sơ bộ thông thường được thực hiện qua đánh giá tài liệu mà không cần đánh giá tại hiện trường, ngoài ra:</li> <li>- Nếu đánh giá sơ bộ được thực hiện tại hiện trường, sử dụng Ghi chép đánh giá F00-17-03 để đánh giá việc tuân thủ theo các quy trình thực hành nuôi/trồng thủy sản tốt (VietGAP) được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.</li> <li>- Chuyên gia đánh giá xác định các điều kiện tiên quyết PRPs (các yêu cầu bắt buộc trong các quy trình thực hành nuôi/trồng thủy sản tốt VietGAP); kết quả đánh giá nội bộ của khách hàng, các yêu cầu luật định có liên quan nhận diện các điểm cần lưu ý khi tiến hành đánh giá giai đoạn 2 – đánh giá chứng nhận</li> </ul> <p>Báo cáo đánh giá sơ bộ theo F00-17-02</p>		Chuyên gia đánh giá

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
<p><b>3.2.2. Giai đoạn II - Đánh giá chứng nhận</b></p> <p>Như 4.2.2 của V00-10, ngoài ra lưu ý một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá các điều kiện và quy định trong các quy trình thực hành nuôi/trồng thủy sản tốt VietGAP của khách hàng tại hiện trường (Kế hoạch đánh giá phải thể hiện rõ phương pháp, cách thức đánh giá là đánh giá tại hiện trường).</li> <li>- Xem xét tại chỗ mẫu môi trường (đất, trầm tích), nước nuôi/trồng, nước thải và mẫu điển hình của sản phẩm các mẫu phải được gửi thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được chỉ định. Người lấy mẫu là người phải có chứng chỉ lấy mẫu, hướng dẫn lấy mẫu theo V02-10.</li> <li>- Trong trường hợp cơ sở sản xuất cung cấp được các kết quả phân tích phù hợp của mẫu nước nuôi/trồng, nước thải và mẫu điển hình của sản phẩm (kết quả phân tích tại các phòng thử nghiệm được Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định và kết quả phân tích trong khoảng thời gian có thể kiểm soát được rủi ro/mối nguy) chuyên gia đánh giá có thể đề xuất chấp nhận kết quả thử nghiệm này mà không cần tiến hành lấy mẫu thử nghiệm.</li> <li>- Nếu chấp nhận kết quả thử nghiệm do cơ sở cung cấp, chuyên gia phải ghi nhận lại đầy đủ thông tin về kết quả thử nghiệm và đề xuất cụ thể trong ghi chép, cũng như báo cáo về việc chấp nhận kết quả, đồng thời đề nghị khách hàng cung cấp bản photo hoặc Scan màu Phiếu kết quả thử nghiệm để lưu hồ sơ chứng nhận. VinaCert sẽ tiến hành thẩm tra báo cáo đánh giá của chuyên gia để đưa ra kết luận cuối cùng.</li> <li>- Biên bản lấy mẫu sử dụng F00-13-03; Biên bản giao mẫu sử dụng F00-13-05. (Lưu ý, phải tiến hành ghi mã hiệu của mẫu trong biên bản lấy mẫu. Biên bản giao mẫu không được thể hiện thông tin về khách hàng (tên, địa chỉ, ...). Khi gửi mẫu về phòng thử nghiệm, chuyên gia đánh giá phải nêu rõ chỉ tiêu cần phân tích.</li> </ul> <p><b>a) Đối với các cơ sở nuôi/trồng thủy sản theo VietGAP nhưng không áp dụng hệ thống quản lý chất lượng QMS (không áp dụng ISO 9001; hoặc ISO 22000,...);</b></p> <p><i>Đánh giá chứng nhận theo cách thức 01:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên gia đánh giá xem xét đến các tài liệu, quy trình, hướng dẫn áp dụng theo các Quy định thực hành nuôi/trồng thủy sản tốt VietGAP, các điều kiện tiên quyết PRPs (địa điểm, khu vực trồng, ...), việc tuân thủ và hiệu lực thực thi các quy trình, quy định/hướng dẫn đã xây dựng và áp dụng.</li> <li>- Chuyên gia đánh giá ghi lại các điểm không phù hợp được phát hiện trong quá trình đánh giá; Tổng hợp tại cuộc trao đổi nội bộ đoàn đánh giá và đưa ra kết quả đánh giá trong báo cáo đánh giá chứng nhận F00-17-02 (<i>đối với đánh giá VietGAP không cần thực hiện hành động phòng ngừa</i>)</li> <li>- Tùy theo đối tượng nuôi cụ thể chuyên gia sử dụng Ghi chép đánh giá F00-17-03 (Lưu ý: nếu đánh giá nhóm hộ thì ghi chép đánh giá phải thể hiện đánh giá tất cả các thành viên của nhóm hộ được lựa chọn đánh giá)</li> </ul> <p><b>b) Đối với các cơ sở nuôi/trồng thủy sản theo VietGAP nhưng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng QMS (không áp dụng ISO 9001; hoặc ISO 22000,...);</b></p> <p><i>Đánh giá chứng nhận theo cách thức 02:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì cơ sở ngoài áp dụng VietGAP còn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng (QMS) do đó bắt buộc phải có chuyên gia đánh giá hệ thống trong trường hợp này.</li> <li>- Trình tự thủ tục và biểu mẫu đánh giá hệ thống quản lý chất lượng QMS theo V00-10.</li> <li>- Các phát hiện đánh giá đối với hệ thống quản lý chất lượng được chia thành 5</li> </ul>		Chuyên gia đánh giá

NỘI DUNG				Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
<p>loại: Phù hợp; khuyến cáo (Ob); không phù hợp nhẹ (minor NC); không phù hợp nặng (major NC) và Tới hạn (Critical NC). Với mỗi loại được nhận diện và áp dụng chế tài sau:</p>					
Loại phát hiện ĐG	Mô tả	Chứng nhận	Giám sát		
Phù hợp	Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn.	Đạt yêu cầu.	Đạt yêu cầu.		
OB	+ Tại thời điểm đánh giá chưa đủ bằng chứng để kết luận đó là 1 điểm KPH; + là những kiến nghị cải tiến của chuyên gia để hệ thống quản lý VietGAP của tổ chức ngày càng hoàn thiện hơn.	<b>Tổ chức không có nghĩa vụ phải thực hiện. Tuy nhiên, VICB sẽ xem xét các kiến nghị cải tiến này trong lần đánh giá giám sát gần nhất.</b>	Như chứng nhận.		
Mi-NC	+ Sự không đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn nhưng không ảnh hưởng đến hệ thống và sự phù hợp của SP; + Sự không đáp ứng yêu cầu hệ thống tài liệu mà <b>tổ chức</b> đã thiết lập.	<b>Tổ chức phải thực hiện hành động khắc phục. Chỉ cấp chứng chỉ sau khi HDKP được chấp nhận. Có thể phải đánh giá bổ sung.</b>	<b>Tổ chức phải có kế hoạch thực hiện HDKP. HDKP sẽ được thẩm tra tại lần đánh giá giám sát gần nhất.</b>		
Ma-NC	+ Là sự không đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn gây ảnh hưởng đến hệ thống; + Có sự không phù hợp nhẹ mang tính hệ thống. Tính hệ thống I : có hơn 3 NC nhẹ tại một bộ phận hoặc có cùng 1 NC nhẹ trên 3 bộ phận.	<b>Cam kết thời điểm hoàn thành HDKP tại cuộc họp kết thúc. Bắt buộc phải đánh giá bổ sung để thẩm tra HDKP.</b>	<b>Tổ chức phải có kế hoạch thực hiện HDKP, cam kết thời hạn hoàn thành và chuyển bằng chứng khi hoàn thành HDKP. Đến thời điểm cam kết chưa hoàn thành HDKP thì đình chỉ chứng chỉ.</b>		
Cr-NC	Là sự không tuân thủ yêu cầu của pháp luật liên quan đến VietGap mà tổ chức có nghĩa vụ phải thực hiện.	Dừng cuộc đánh giá. Chuyển sang thời điểm thích hợp.	Đình chỉ hiệu lực chứng chỉ cho đến khi có đủ bằng chứng đã tuân thủ.		
<p>- <b>Lưu ý:</b> Các mức phát hiện đánh giá nêu trên không áp dụng với các tiêu chí đánh giá trong quy định VietGAP tại Ghi chép đánh giá từ F00-17-03.</p> <p>- Chuyên gia đánh giá VietGAP tiến hành đánh giá việc tuân thủ theo các tiêu chí của Quy định thực hành nuôi/trồng thủy sản tốt VietGAP theo Ghi chép đánh giá từ F00-17-03.</p> <p>- Chuyên gia đánh giá VietGAP tổng hợp các tiêu chí đánh giá loại A, loại B và kết luận trong Báo cáo đánh giá về mức độ đạt được các tiêu chí theo từng mức độ</p>					

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
<p>yêu cầu trong các Quy trình thực hành nuôi/trồng thủy sản tốt ban hành kèm theo các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc theo Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Đoàn đánh giá tổng hợp các phát hiện đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và số lượng các chỉ tiêu loại A, loại B đạt yêu cầu để đưa ra kết luận cuối cùng về kết quả đánh giá chứng nhận.</p>		
<p><b>3.2.3. Xem xét các báo cáo đánh giá và hành động khắc phục</b></p> <p>- Việc xem xét, thẩm tra các hành động khắc phục như V00-10, lưu ý đối với đánh giá VietGAP không cần thực hiện hành động phòng ngừa.</p> <p>- Chuyên gia lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo F00-13-06.</p> <p><b>- Cơ sở VietGAP được xem xét cấp chứng chỉ VietGAP khi:</b></p> <p>+ Kết quả thử nghiệm các mẫu môi trường, nước sản xuất, nước thải và mẫu điển hình của sản phẩm đạt yêu cầu.</p> <p>+ Các điểm không phù hợp phát hiện đối với các cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng QMS (nếu có) được khép (chấp nhận nguyên nhân và hành động khắc phục đưa ra);</p> <p>+ Các tiêu chí theo quy định VietGAP phải được tuân thủ (Tiêu chí loại A bắt buộc phải đạt; tiêu chí loại B chấp nhận theo các mức độ khác nhau)</p> <p><b>a) Xem xét và chấp nhận:</b></p> <p>- Căn cứ để kết luận mẫu thử nghiệm đạt là theo các Quy chuẩn/Tiêu chuẩn hoặc quy định về mức giới hạn tối đa tương ứng (Xem tài liệu tham khảo);</p> <p>- Đối với các điểm không phù hợp phát hiện đối với các cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng QMS xử lý theo hướng dẫn tại mục 4.2.3, V00-10. Các điểm không phù hợp (NC), khách hàng phải điều tra nguyên nhân đưa ra hành động khắc phục phù hợp và được VinaCert thẩm tra, chấp nhận.</p> <p><b>- Xem xét và chấp nhận mức độ đáp ứng các tiêu chí A, B của VietGAP THỦY SẢN</b></p> <p>Theo Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT, như sau:</p> <p>+ Các chỉ tiêu A: Chỉ tiêu bắt buộc thực hiện; B: Chỉ tiêu cần thực hiện;</p> <p>+ Các yêu cầu VietGAP phải đảm bảo 100% số chỉ tiêu mức độ A và tối thiểu 90% số chỉ tiêu mức độ B (chỉ tiêu không đạt không được lặp lại khi đánh giá giám sát) và không tính các chỉ tiêu không áp dụng đánh giá.</p> <p>+ Cơ sở sản xuất nhiều thành viên được cấp Giấy chứng nhận VietGAP khi 100% số cơ sở thành viên đại diện được lựa chọn để đánh giá đều đạt yêu cầu theo VietGAP.</p>		<p>Chuyên gia đánh giá Nhân viên Phòng chứng nhận</p>
<p><b>3.2.4. Cấp chứng nhận VietGAP</b></p> <p>- Sau khi thẩm tra hồ sơ chứng nhận VietGAP đạt yêu cầu, Phòng chứng nhận dự thảo trình Quyết định cấp GCN VietGAP (theo F01-06-01) và Giấy chứng nhận VietGAP (theo F01-06-02).</p> <p>- Trường hợp cơ sở sản xuất có nhiều địa điểm sản xuất đăng ký đánh giá cùng thời điểm: Giấy chứng nhận VietGAP phải ghi rõ địa chỉ, tên sản phẩm, diện tích nuôi/trồng thủy sản, dự kiến sản lượng theo từng địa điểm. Trường hợp tại cùng địa điểm sản xuất có nhiều thành viên: Giấy chứng nhận VietGAP phải có Danh sách thành viên (họ tên, địa chỉ, tên sản phẩm, diện tích nuôi/trồng thủy sản, dự kiến sản lượng) kèm theo Giấy chứng nhận VietGAP.</p> <p>- Đối với các trường hợp đình chỉ/hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP sử dụng theo</p>		<p>Nhân viên Phòng chứng nhận</p>

NỘI DUNG	Điểm kiểm soát/ Checkpoint	Trách nhiệm, Biểu mẫu
biểu mẫu F01-06-03 Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận VietGAP và F01-06-04 Hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP.		
<b>4.2. ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT</b> - Chu kỳ đánh giá giám sát phụ thuộc vào bản chất sản phẩm và mức độ nguy cơ nhưng không quá 12 tháng. - Thủ tục đánh giá giám sát như đánh giá chứng nhận - Báo cáo đánh giá giám sát theo F00-16-02		Nhân viên Phòng chứng nhận Chuyên gia đánh giá
<b>4.3. ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG</b> Như 4.4, V00-10		Nhân viên Phòng chứng nhận Chuyên gia đánh giá
<b>4.4. ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG/NÂNG CẤP</b> Trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực, nếu khách hàng đăng ký chứng nhận mở rộng/bổ sung, VinaCert có thể tiến hành đánh giá mở rộng phạm vi. Thủ tục đánh giá mở rộng được tiến hành như đánh giá giám sát. Mẫu báo cáo đánh giá chứng nhận mở rộng VietGAP theo: F00-17-02. Như 4.5, V00-10		Nhân viên Phòng chứng nhận Chuyên gia đánh giá
<b>4.5. ĐÁNH GIÁ ĐỘT XUẤT</b> Như 4.6, V00-10		
<b>4.6. ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỔI</b> Như 4.7, V00-10		
<b>4.7. ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN LẠI</b> Hiệu lực của Giấy chứng nhận VietGAP là 2 năm. Thông thường cuộc đánh giá lại được tiến hành trước ngày hết hạn Giấy chứng nhận ít nhất khoảng 30 ngày.		

## 5. TRÁCH NHIỆM, ĐÀO TẠO & NHẬN THỨC

- Trưởng phòng PCN có trách nhiệm đào tạo nhận thức các chuyên gia đánh giá quy trình này;
- Trưởng phòng PCN có trách nhiệm giám sát chuyên gia đánh giá thực hiện đúng quy trình này;
- Văn phòng có trách nhiệm tổ chức các cuộc đánh giá theo thông báo của PCN;
- KD có trách nhiệm cung cấp các thông tin ban đầu của khách hàng cho PCN và phối hợp với khách hàng tổ chức trao chứng chỉ khi có yêu cầu.
- Phòng PCN có trách nhiệm lập chương trình đánh giá, thẩm tra các hành động khắc phục của khách hàng gửi đến, kiến nghị chuyên gia kỹ thuật thẩm định và đề nghị Giám đốc cấp giấy chứng nhận.
- Đoàn đánh giá có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá, tiến hành đánh giá, hoàn thành báo cáo đánh giá.
- VinaCert đảm bảo duy trì quyền sở hữu đối với các báo cáo.

## 6. HỒ SƠ LƯU

**Quy tắc cấp mã hồ sơ VietGAP tương tự V00-10. Tuy nhiên, mã chuẩn mực VietGAP = 9; Mã chứng chỉ tuân theo V01-06**

TT	HỒ	Mã HS	Nơi lưu	Thời gian lưu
1.	Hợp đồng		VP	6 năm
2.	Đăng ký chứng nhận	F00-15-01	PCN	6 năm
3.	Chương trình đánh giá	F00-10-01	PCN	6 năm
4.	Kế hoạch đánh giá	F00-10-03	PCN	6 năm
5.	Danh sách tham dự cuộc họp	F00-10-04	PCN	6 năm
6.	Báo cáo đánh giá VietGAP (sơ bộ, chứng nhận,	F00-15-02	PCN	6 năm

	giám sát)			
7.	Phiếu ghi chép đánh giá VietGap Rau-Quả-Chè	F00-15-03	PCN	6 năm
8.	Phiếu ghi chép đánh giá VietGap Cà Phê	F00-15-04	PCN	6 năm
9.	Phiếu ghi chép đánh giá VietGap LÚA	F00-15-05	PCN	6 năm
10.	Biên bản lấy mẫu	F00-13-03	PCN	6 năm
11.	Biên bản giao mẫu	F00-13-05	PCN	6 năm
12.	Báo cáo kết quả thử nghiệm	F00-13-06	PCN	6 năm
13.	Kiến nghị cấp/duy trì chứng chỉ	F00-10-12	PCN	6 năm
14.	Thông báo kết quả đánh giá	F00-10-13	PCN	6 năm
15.	Quyết định cấp GCN VietGAP	F01-06-01	PCN	6 năm
16.	Giấy chứng nhận VietGAP	F01-06-02	PCN	6 năm
17.	Quyết định đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận VietGAP	F01-06-03	PCN	6 năm
18.	Quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận VietGAP	F01-06-04	PCN	6 năm
19.	Phiếu theo dõi xử lý hồ sơ	F00-10-14	PCN	6 năm
20.	<a href="#">Audit Log</a>	F00-10-17	PCN	6 năm
21.	Danh sách tổ chức chứng nhận được <b>VinaCert</b> thừa nhận	F00-10-07	PCN	6 năm

## 7. SỰ BẢO MẬT

Nhân viên và chuyên gia VICB có trách nhiệm đảm bảo mọi thông tin dưới bất kỳ hình thức nào về khách hàng đều được bảo mật, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản do người có thẩm quyền của Khách hàng cũng như VICB.

## 8. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Ngày công đánh giá lĩnh vực thủy sản

- Ngày công đánh giá tối thiểu phải bao gồm cả đánh giá sơ bộ và đánh giá chính thức của đánh giá chứng nhận ban đầu, không kể thời gian chuẩn bị đánh giá, viết báo cáo đánh giá.
- Ngày công đánh giá tối thiểu chỉ xác định trong việc đánh giá VietGAP Thủy sản;
- Thời gian đánh giá giám sát tối thiểu phải bằng một phần ba thời gian đánh giá chứng nhận ban đầu, nhưng không ít hơn 1 ngày đánh giá. Thời gian đánh giá lại bằng hai phần ba thời gian đánh giá chứng nhận ban đầu, nhưng không ít hơn 2 ngày đánh giá.
- Những nhân tố thêm vào có thể phải tăng dần theo thời gian tối thiểu đánh giá (ví dụ tổng diện tích trang trại, sản lượng, độ phức tạp của hệ thống sản xuất).
- Ngày công đánh giá cho một trang trại đơn lẻ:

Ngày công đánh giá (ngày công = Md)	Cơ cấu loài nuôi, mức sản lượng		
	Cá, thân mềm (tấn)	Tôm và các loài giáp (tấn)	Con giống (con)
1.0	≤ 100	< 10	Tất cả mọi quy mô
2.0	100 - <500	10 - <100	
2.5	500 - <1000	100 - <500	
3.0	1000 - <5000	500 - <1000	
3.5	≥ 5000	1000 - <5000	
4		>5000	

- Ngày công đánh giá cho nhóm sản xuất hoặc cơ sở nuôi đa điểm (có hoặc không có QMS): Cách tính tương tự như tính theo sản lượng (Md) và cộng thêm với ngày công cho các điểm phát sinh cho việc đánh giá các điểm



phát sinh (Mp - được làm tròn lên) và ngày công cho đánh giá QMS (Mq).

Tổng số ngày công đánh giá (Mt);

$$Mt = Md + Mp \text{ không QMS hoặc } Mt = Md + Mp \text{ có QMS} + Mq$$

Số điểm, số thành viên	Mp không QMS	Mp có QMS	Mq
2 - 15	1	20% Md	1
15 – 30	2	20% Md	1
31 – 40	3	20% Md	1
41 – 50	4	20% Md	1
>50	5	20% Md	1

- Đối với các tổ chức khách hàng cần đánh giá chứng nhận cùng một lúc chứng nhận cho nhiều loại sản phẩm (đối tượng nuôi) khác nhau thì cứ thêm một đối tượng chứng nhận thì ngày công đánh giá tối thiểu tính thêm 20%.

- Khi số lượng thành viên hoặc địa điểm tăng thêm ở lần đánh giá chứng nhận lại, số ngày công bổ sung sẽ được tính toán tương tự Mp (dựa vào số điểm phát sinh hoặc số thành viên thêm vào) đối với cả 2 trường hợp có và không có QMS.

- Đánh giá thành viên đại diện nhóm: Số lượng thành viên đại diện nhóm được đánh giá do tổ chức chứng nhận quyết định theo từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu bằng căn bậc 2 (đối với đánh giá lần đầu) hoặc tối thiểu 2/3 của căn bậc 2 (đối với đánh giá lại) hoặc tối thiểu 1/2 của căn bậc 2 (đối với đánh giá giám sát) của tổng số thành viên trong nhóm